

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/DSPT

Ngày: 21/6/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng đặt cọc

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Trường.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Tính.

Ông Nguyễn Thanh Bình.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 và ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2022/TLPT-DS ngày 21/3/2022 về “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DSST, ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quế Võ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 66/2022/QĐ-PT, ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 15, ngõ 151, ngách 151/51, phố N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

***- Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bà N: Ông Dương Minh Kiên- Luật sư văn phòng luật sư Dương Minh Nhâm, đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt).

Địa chỉ: Số 80, đường Nguyễn Du, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

*Nguyên đơn là Ông Nguyễn Văn V trình bày:* Ông có biết Bà Nguyễn Thị N thông qua chị Bùi Thị Ph. Ngày 10/01/2019, Bà N cùng chị Ph và chị Nguyễn Thị Th đến nhà ông, do là chỗ chị Ph giới thiệu nên ông đồng ý cho Bà N vay số tiền 300.000.000 đồng. Khi vay hai bên có làm giấy và có sự chứng kiến của chị Ph, chị Th. Tuy nhiên, do ông không muốn viết giấy vay tiền nên viết thành giấy Bà N nhận của ông tiền đặt cọc mua xe máy SH, Bà N đã ký tên, điểm chỉ vào giấy này. Thực chất giữa ông và Bà N chỉ có quan hệ vay mượn tiền, ông đã giao cho Bà N đủ số tiền 300.000.000 đồng. Tại giấy nhận tiền đặt cọc mua xe do có sự nhầm lẫn nên ở cuối giấy đã viết thành ngày 10/01/2018, nhưng thực tế giấy này lập ngày 10/01/2019. Khi vay tiền, hai bên có thỏa thuận miệng trong thời hạn 60 ngày Bà N phải trả lại ông tiền. Quá thời hạn nêu trên, ông đã nhiều lần yêu cầu Bà N trả tiền nhưng Bà N trốn tránh không trả. Ông đề nghị Tòa án buộc Bà Nguyễn Thị N phải trả lại ông số tiền 300.000.000 đồng đã vay, ông không yêu cầu Bà N phải trả tiền lãi.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, Ông V cho rằng thực tế ông chỉ cho Bà N vay số tiền 260.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, nhưng có thỏa thuận nếu Bà N không trả nợ cho ông đúng trong thời hạn 60 ngày thì sẽ phải trả cho ông thêm 40.000.000 đồng tiền lãi, nên trong “Giấy nhận tiền đặt cọc mua xe” mới viết luôn thành Bà N nhận của Ông V 300.000.000 đồng. Nay ông chỉ yêu cầu Bà N phải trả lại ông 260.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

*Bị đơn là Bà Nguyễn Thị N trình bày:* Bà không đồng ý với toàn bộ nội dung khởi kiện của Ông Nguyễn Văn V vì bà không nhận 300.000.000 đồng của Ông V để đặt cọc mua xe. Bà có ký vào giấy nhận tiền đặt cọc mua xe, nhưng Ông V không giao cho bà số tiền 300.000.000 đồng như ghi ở trong giấy. Giấy nhận tiền đặt cọc mua xe ngày 10/01/2019 là hợp đồng giả tạo được lập với mục đích để che giấu giao dịch vay mượn tài sản, đến nay giao dịch này đã được thực hiện xong. Chứng cứ, tài liệu để xác định giao dịch dân sự khác bị che giấu đã thực hiện xong, hiện nay bà chưa tìm thấy nên chưa cung cấp được cho Tòa án. Bà đề nghị Tòa án tuyên bố giao dịch theo “Giấy nhận tiền đặt cọc mua xe” là vô hiệu.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm căn cứ Điều 116, 117, 124, 328, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tuyên bố hợp đồng đặt cọc theo “Giấy nhận tiền đặt cọc mua xe” đề ngày

10/01/2019 giữa Ông Nguyễn Văn V và Bà Nguyễn Thị N là vô hiệu.

Buộc Bà Nguyễn Thị N phải trả lại cho Ông Nguyễn Văn V số tiền 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/02/2022, bị đơn là Bà Nguyễn Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Bà N không nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà không nhận tiền đặt cọc của Ông V, quyết định của bản án sơ thẩm làm thiệt hại đến quyền lợi của Bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn là Ông Nguyễn Văn V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là Bà Nguyễn Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà N trình bày: Giữa Ông V và Bà N thực chất không có việc nhận tiền tại thời điểm Bà N ký vào hợp đồng đặt cọc giữa Ông V và Bà N. Bà N thừa nhận có vay tiền Ông V nhưng số tiền vay này Bà N đã trả hết cho Ông V. Việc này Bà N đã cung cấp cho Tòa án bằng các bản sao kê số tiền bà chuyển khoản trả cho Ông V. Nếu Ông V cho rằng Bà N có nhận tiền của Ông V tại thời điểm Bà N ký hợp đồng đặt cọc thì Ông V phải có căn cứ chứng minh. Do đó, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm xử.

Ông Nguyễn Văn V trình bày: Ông thừa nhận ông có cho Bà N vay tiền. Ngày Bà N ký hợp đồng đặt cọc với ông chỉ là để chốt lại các khoản tiền Bà N vay ông trước đó. Việc ông cho Bà N vay tiền thông qua chuyển khoản chứ ông không đưa tiền mặt cho Bà N. Việc ông chuyển khoản cho Bà N là thông qua tài khoản của cháu ông là anh Nguyễn Văn Cò. Hiện nay, anh Cò đang ở nước ngoài nên ông không cung cấp được chứng cứ về việc ông chuyển tiền cho Bà N vay.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm xử theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn V.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Bà Nguyễn Thị N nộp trong hạn luật định đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Theo “Giấy nhận tiền đặt cọc mua xe” 10/01/2018 (nhưng thực tế giấy này lập ngày 10/01/2019) giữa Ông Nguyễn Văn V và Bà Nguyễn Thị N thì Bà N có nhận của Ông V số tiền 300.000.000đ để mua xe cho Ông V nhưng thực chất hợp đồng đặt cọc này là để che dấu khoản tiền mà Bà N đã vay Ông V nhiều lần trước đó nhưng do Ông V không muốn viết giấy vay tiền nên đã yêu cầu Bà N viết thành Giấy nhận tiền đặt cọc mua xe. Do vậy, Ông Nguyễn Văn V yêu cầu Bà Nguyễn Thị N phải trả lại ông số tiền 300.000.000 đồng đã vay và không yêu cầu phải trả lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án Ông V thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông đề nghị Tòa án buộc Bà N phải trả ông số tiền đã vay trên thực tế là 260.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất. Bản án sơ thẩm xử tuyên bố hợp đồng đặt cọc theo giấy nhận tiền đặt cọc mua xe đề ngày 10/01/2019 giữa Ông Nguyễn Văn V và Bà Nguyễn Thị N là vô hiệu. Buộc Bà Nguyễn Thị N phải trả lại cho Ông Nguyễn Văn V số tiền 260.000.000đ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn là Bà Nguyễn Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do Bà N không nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, không được tham gia phiên tòa sơ thẩm, bà không nhận tiền đặt cọc của Ông V, bản án xét xử không đảm bảo quyền lợi của bà. Bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Xét nội dung kháng cáo của Bà Nguyễn Thị N về việc Bà N không được nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không được tham gia phiên tòa sơ thẩm làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm đã gửi giấy triệu tập hợp lệ cho Bà Nguyễn Thị N nhiều lần nhưng Bà N không đến làm việc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã V và xác định Bà N vẫn đang sinh sống tại nhà ở mặt đường Quốc lộ 18 tại thôn N, xã V, huyện Quế Võ nhưng Bà N và gia đình không mở cửa nên Tòa án không tổng đạt được văn bản tố tụng. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai, tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng qui định pháp luật. Do Bà N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn, đồng thời Bà N xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và các phiên tòa, Tòa án sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử vắng mặt Bà N theo qui định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là đúng qui định pháp luật.

Xét kháng cáo của Bà N cho rằng bà không nhận tiền đặt cọc của Ông V, hợp đồng đặt cọc là giả tạo để che giấu cho một giao dịch khác, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Ông V và Bà N đều xác định có ký “Giấy nhận tiền đặt cọc mua xe” với nội dung: Bà N nhận 300.000.000 đồng của Ông Nguyễn Văn V để đặt cọc mua 01 chiếc xe SH 150 nhập khẩu màu đỏ, và hẹn trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày 10/01/2019 Bà N phải giao xe cho Ông V. Tuy nhiên, phía Ông V cho rằng giữa ông và Bà N chỉ có quan hệ vay mượn tiền, do ông không muốn viết giấy vay tiền nên viết thành giấy Bà N nhận của ông tiền đặt cọc mua xe máy SH, Bà N đã ký tên, điểm chỉ vào giấy này. Phía Bà N xác nhận giấy nhận tiền đặt cọc mua xe là hợp đồng giao dịch giả tạo để che giấu cho một giao dịch dân sự khác. Chị Nguyễn Thị Th và chị Bùi Thị Ph là người làm chứng xác nhận không có việc Ông V đặt cọc tiền để mua xe của Bà N, mà thực tế là Ông V cho Bà N vay tiền. Như vậy, việc đặt cọc tiền để mua xe máy SH giữa Ông V và Bà N theo “Giấy nhận tiền đặt cọc mua xe” ngày 10/01/2019 là không có thật. Bà N thừa nhận bà có vay tiền Ông V nhưng toàn bộ số tiền vay Ông V bà đã trả hết cho đến nay bà không còn nợ Ông V khoản tiền nào cả

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/5/2022, nguyên đơn là Ông Nguyễn Văn V cũng thừa nhận tại thời điểm ký hợp đồng đặt cọc giữa hai bên không có việc giao nhận tiền mà việc giao nhận tiền là từ trước và hợp đồng đặt cọc chỉ là để che dấu việc vay tiền của Bà N. Ông V trình bày các lần Bà N vay tiền của ông ông đều chuyển khoản cho Bà N qua tài khoản của cháu ông. Ông đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để ông sao kê các lần ông chuyển khoản cho Bà N. Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để Ông V cung cấp tài liệu chứng minh cho việc ông có chuyển tiền cho Bà N vay. Hết thời hạn tạm ngừng phiên tòa nhưng Ông V không cung cấp được giấy tờ chứng minh việc ông đã chuyển khoản cho Bà N vay và ông cũng không cung cấp được số tài khoản mà ông đã nhờ chuyển khoản cho Bà N. Do vậy, việc Ông V khởi kiện yêu cầu Bà N phải trả cho ông số tiền 260.000.000đ theo giấy biên nhận đặt cọc mua xe ngày 10/01/2019 là không có căn cứ. Bản án sơ thẩm xử buộc Bà N phải trả Ông V số tiền 260.000.000đ là không có căn cứ.

Ông V có thể khởi kiện Bà N bằng một vụ án khác khi có tài liệu, chứng cứ chứng minh có việc ông cho Bà N vay tiền.

Từ những phân tích trên có thể thấy Bà N kháng cáo là có căn cứ cần chấp nhận kháng cáo của Bà N sửa bản án sơ thẩm xử.

Do bản án sơ thẩm bị sửa nên Bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 116, 117, 124, 328 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQ, sửa bản án sơ thẩm xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn V về việc yêu cầu Bà N phải trả số tiền 260.000.000đ theo giấy đặt cọc mua xe ngày 10/01/2019.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn V phải chịu 13.000.000 (mười ba triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận Ông V đã nộp 7.500.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004857 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ.

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận Bà N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai thu số AA/2021/0004999 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Tính - Nguyễn Thanh Bình**

**Nguyễn Trọng Trường**

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Quế Võ;
- Chi cục THADS huyện Quế Võ;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Trọng Trường**